

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN

Trụ sở: tầng 1 và tầng 2 tòa nhà S T, số 111A P, phường B N, quận 1, thành phố H C M.

Đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Tử K, sinh năm 1984, là chuyên viên xử lý nợ.

- **Bị đơn:** chị Hoàng Thị Như P, sinh năm 1983

Trú tại: P104 A3 ngõ 104 đường N H T, phường T X T, quận T X, H N.

Chị P ủy quyền cho bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1952, theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2020 tại Văn phòng Công chứng P Q.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Hoàng Minh S, sinh năm 1960 và bà Phan Thị B, sinh năm 1960; cùng trú tại: P104 A3 ngõ 104 đường N H T, phường T X T, quận T X, H N. Ông S và bà B ủy quyền cho anh Nghiêm Quốc C, sinh năm 1986, mang CCCD do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/11/2019 theo Giấy ủy quyền ngày 15/5/2020 tại Văn phòng Công chứng P Q.

+ Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1985, chị Trần Thị D, sinh năm 1989, cháu Hoàng Thục A, sinh năm 2012 và cháu Hoàng Thục C sinh năm 2014 (cháu Thục A và Thục C do chị D và anh T là đại diện); cùng trú tại: P104 A3 ngõ 104 đường N H T, phường T X T, quận T X, H N.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Chị Hoàng Thị Như P có vay vốn tại Ngân hàng TMCP QTVN – CN H K với số tiền 1.500.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số 5.168.18.896 ngày 12/07/2018 và hợp đồng tín dụng số 5.169.18.896 ngày 13/07/2018. Chị P xác nhận đã nhận giải ngân đủ số tiền 1.500.000.0000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.168.18.896 ngày 12/07/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.169.18.896 ngày 13/07/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã thanh toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 14/01/2019 là 137.769.960 đồng gồm nợ gốc là 63.798.259 đồng, lãi trong hạn là 73.773.890 đồng, lãi quá hạn là 197.811 đồng. Từ ngày 25/01/2019 toàn bộ khoản vay của chị P chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 22/07/2020 chị P xác nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: **1.742.603.681 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng*), trong đó gồm: nợ gốc: 1.436.201.741 đồng, nợ lãi trong hạn: 260.599.438 đồng, nợ lãi quá hạn: 45.802.502 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận như sau:

- Về thời hạn trả nợ: chậm nhất là ngày 31/10/2020 chị P phải thanh toán trả cho Ngân hàng số toàn bộ số tiền 1.742.603.681 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 1.436.201.741 đồng, nợ lãi trong hạn: 260.599.438 đồng, nợ lãi quá hạn: 45.802.502 đồng.

- Kể từ ngày 23/7/2020 chị P đồng ý tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh đối với khoản nợ gốc chị P chưa thanh toán cho đến khi chị P trả hết khoản nợ gốc theo hợp đồng tín dụng, các văn bản thỏa thuận khác đã ký với Ngân hàng và quy định của pháp luật.

- Trường hợp chị P vi phạm cam kết trả nợ thì Ngân hàng TMCP QTVN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sở hữu, quyền sử dụng căn hộ tại địa chỉ: 104-A3-104 đường N H T, phường T X T, quận T X, thành phố H N, diện tích sàn 48.5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111115121; hồ sơ gốc số 4060.2001.QĐUB/21520.2001 do UBND thành phố H N cấp ngày 16/07/2001 đứng tên ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Thị N, ngày 18/12/2008 văn phòng đăng ký đất đai H N xác nhận chuyển nhượng cho ông Hoàng Minh S và vợ là bà Phan Thị B theo hợp đồng số 2216.2208/MBN lập tại phòng công chứng HN ngày 08/12/2008. Ông Hoàng Minh S, bà Phan Thị B ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 00525.18 quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng

V X, thành phố H N chứng nhận ngày 26/01/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai H N – chi nhánh quận T X ngày 26/01/2018.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị P có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP QTVN.

- Về án phí: ghi nhận chị Hoàng Thị Như P chịu cả 32.139.055 đồng (ba mươi hai triệu, một trăm ba chín nghìn, năm mươi năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.960.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006780 ngày 17/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T X.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Thanh H***